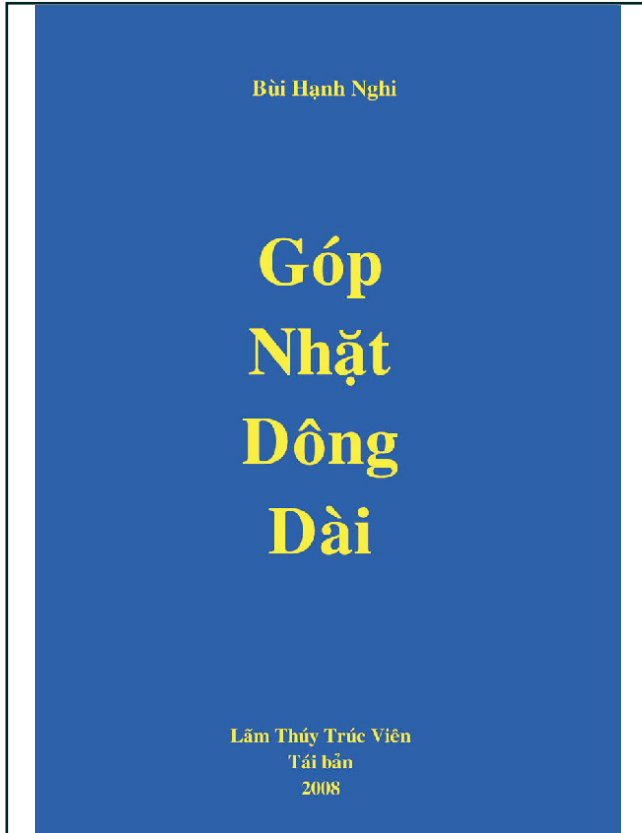




Hanh Nghi Bui (Autor)
Góp Nh_t Đông Dài



<https://cuvillier.de/de/shop/publications/1357>

Copyright:

Cuvillier Verlag, Inhaberin Annette Jentsch-Cuvillier, Nonnenstieg 8, 37075 Göttingen, Germany
Telefon: +49 (0)551 54724-0, E-Mail: info@cuvillier.de, Website: <https://cuvillier.de>

Tinh Thần Nhân Bản Trong Đoạn Trường Tân Thanh (1991)

Dẫn nhập

Văn chương không chỉ là một thú tiêu khiển mà còn có tác dụng đào luyện nhân tính và kích thích tinh thần trong con người. Nói cách khác bên cạnh sứ mạng nghệ thuật, văn chương còn có một sứ mạng nhân bản. Có thể vì thế mà cách đây ít lâu Đại Hội Văn Bút Quốc Tế tại Vienne đã lấy đề tài : “Tương quan giữa văn chương và cuộc sống thực tế” làm trọng tâm thảo luận cho các buổi sinh hoạt văn chương tại Đại Hội. Câu hỏi được đặt ra là: "Văn chương có ảnh hưởng gì trên đời sống thực tế không và nếu có thì ảnh hưởng như thế nào?" Tuy các diễn giả cũng như tham dự viên đã đưa ra nhiều ý kiến trái ngược nhau về vấn đề này, nhưng mọi người đều đồng ý về sứ mạng nhân bản của văn chương.

Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du được truyền tụng trong mọi tầng lớp xã hội và từng làm rung động con tim hàng triệu triệu người, từ trí thức đến lao động, từ già đến trẻ, từ giàu đến nghèo, không phải chỉ vì đó là một kiệt tác văn chương mà

nhất là vì Đoạn Trường Tân Thanh đầy tính chất nhân bản, chứa đựng tiếng nói trung thực của tình yêu được giải phóng khỏi một số ràng buộc khắt khe lỗi thời của lễ giáo, tiếng than ai oán của những người ngụp lặn trong đau khổ, tiếng phẫn nộ căm hờn trước những bất công, tiếng kêu ca của lớp người bị áp bức, tiếng nói của niềm ước vọng một đời sống bình yên hạnh phúc được công lý và nhà cầm quyền bảo vệ che chở, một cuộc đời có phẩm giá, không phải bó thân làm nô lệ, không bị hành hạ sỉ nhục đọa đày.

Nội dung truyện Kiều là chuyện tình yêu giữa Kiều và Kim Trọng và số kiếp lâm than của Kiều, một giai nhân tài sắc vẹn toàn, được lồng trong khung cảnh của những triết thuyết tài mệnh tương đố, hồng nhan đa truân và rất nhiều tư tưởng Phật Giáo đặc biệt là thuyết nhân quả. Trong khuôn khổ bài này tôi sẽ không bàn đến những phạm trù triết học và tôn giáo cao siêu vừa kể. Chỉ xin tự giới hạn vào việc trình bày những nét nhân bản trong quan niệm về tình yêu đôi lứa, về tình người và lòng trắc ẩn đối với những người xấu số cũng như qua lời phê phán về tệ đoan xã hội.

I. Nhân Bản Trong Quan Niệm Về Tình Yêu Lứa Đôi

1. Tình yêu khai phóng và tự do luyện ái

Truyện Kiều thể hiện chủ trương tự do luyện ái,

vượt xa thời đại của tác giả, vẽ lên hình ảnh một tình yêu khai phóng, giải phóng con người khỏi một mớ ràng buộc hẹp hòi của lễ giáo.

Đường vào tình yêu của Kim Trọng và Thúy Kiều được Nguyễn Du bài trí trong một khung cảnh cực kỳ diễm lệ. Chàng đã đến với nàng trong cung cách của một văn nhân thư thái nhàn hạ:

*Trông chừng thấy một văn nhân
Lông bông tay khấu bước lần dậm băng.* (135-36)

Quanh chàng, tất cả, từ âm thanh đến màu sắc, đều tạo thành một bầu khí thanh tao đẹp đẽ:

*Tuyết in sắc ngựa câu dòn,
Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời.*

...

*Hài văn lần bước dậm xanh,
Một vùng như thể cây quỳnh cành giao.* (139-144)

Lai lịch quý phái càng làm sán lạn thêm lớp hào quang bao phủ người chàng: Nào là *trâm anh*, nào là *phú hậu*, nào là *tài danh*.

Rồi đến:

*...Văn chương nét đất thông minh tính trời.
Phong tư tài mạo tuyệt vời,
Vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa.* (150-52)

Kiều gặp một người như Kim Trọng, mặc dầu nàng “*e lệ nép vào dưới hoa*” trong một cung cách vừa đầy nữ tính vừa hợp gia phong, nàng đã cảm nhận tiếng sét ái tình. Điều đó cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Còn Kim Trọng gặp được trang quốc sắc mà chàng đã nghe tiếng và “trộm dấu thâm yêu” thì sự nảy nở của tình yêu ngay trong buổi đầu gặp gỡ cũng chỉ là chuyện thường tình.

*Người quốc sắc kẻ thiên tài,
Tình trong như đã mặt ngoài còn e.*

Nhưng đối với thời đại Nguyễn Du thì chuyện đó không phải là chuyện thường mà là cả một cuộc cách mạng. Con tim đã thảng những ước lệ ngàn đời. Ngay trong buổi đầu "*mặt ngoài còn e*", Nguyễn Du đã để hai người sa vào mê hồn trận, bằng một câu thơ mà từ cách dùng chữ cho đến tiết tấu và âm điệu đã xóa nhòa biên giới giữa thực và mộng:

Chập chờn cơn tỉnh cơn mê (165)

Nhưng rồi giờ từ biệt cũng phải đến. Bao bồi hồi lưu luyến lúc chia tay đã thể hiện lên dáng dấp của Kiều:

*Bóng tà như dục cơn buồn,
Khách đà lên ngựa người còn ghé theo. (162-63)*

Để kết thúc đoạn văn tường thuật đượm tình, Nguyễn Du đã đem tâm sự hai người lồng vào cảnh

vật, mượn giòng nước trong veo và bóng chiều thướt tha trên cành liễu để diễn tả vẻ dịu dàng trong sáng hài hòa của tình yêu chợt đến:

*Dưới giòng nước chảy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.* (169-70).

Hai câu thơ này là một trong vô số ví dụ điển hình về nghệ thuật tả cảnh của Nguyễn Du: vừa tả chân một cách trung thực, vừa mượn cảnh vật để nói lên tình cảm trong lòng người, vừa đem lòng người trải lên cảnh vật, đồng thời lồng vào cảnh vật chiều sâu bất tận của tâm tư.

Bằng một lối tả cảnh tương tự, Nguyễn Du mượn cảnh trăng sáng trong vườn lúc Kiều trở về nhà, để lồng vào cảnh vật tâm trạng nàng sau buổi chiều gặp gỡ.

*Kiều từ trở gót trướng hoa,
Mặt trời gác núi chiêng đà thu không.
Gương nga chênh chếch dòm song,
Vàng gieo đáy nước cây lồng bóng sân.
Hải đường lả ngọn đông lân,
Giọt sương gieo nặng cành xuân là đà.* (171-76).

Từ mấy câu thơ tả cảnh trên đây tỏa ra một cảm giác say đắm nhẹ nhàng. Ngôn từ và hình ảnh được xử dụng để gợi lên cử chỉ âu yếm, ôm ấp, vuốt ve, biểu tượng cho niềm mơ ước đang chỗi dậy trong tiềm thức Kiều. Mặt trời, vầng trăng, song cửa, ánh

trăng, đá nước, cây, sân, hải đường, giọt sương, cành xuân, tất cả đều là vật vô tri, nhưng dưới ngòi bút Nguyễn Du đã trở thành sống động để hòa nhịp với tình yêu trong lòng Kiều. Những động tác (mặt trời) *gác* (núi), (gương nga chênh chếch) *dòm* (song), (vàng) *gieo* (đáy nước), (cây) *lông* (bóng sân), (hải đường) *lả* (ngọn đông lân), (hạt sương) *gieo nặng* (cành xuân) cộng với hai chữ *là đà* không những linh động hóa vật vô tri mà còn gợi lên ấn tượng của sự trao gửi, gần gũi, quấn quít, tượng trưng cho nỗi niềm thầm kín mong ước được kết hợp, trộn lẫn, tan biến vào người yêu.

Nhưng trong khung cảnh đượm tình đó, linh cảm về điều chẳng lành trong tương lai đã khiến Kiều thốt lên:

*Người đâu gặp gỡ làm chi,
Trăm năm biết có duyên gì hay không? (181-82)*

Một nỗi hoang mang, một niềm lo lắng. Một câu hỏi, hỏi mình, hỏi trời, gói trọn mối tình vừa nhen nhúm, yêu tha thiết, yêu đam mê, ước mong người tình thành bạn trăm năm nhưng lại bị ám ảnh bởi niềm lo sợ, vì linh cảm được bàn tay khe khẽ của định mệnh đang rình rập ở một khúc quanh nào đó.

Bên cạnh việc đề cao tình yêu đôi lứa như là một giá trị tích cực của đời sống, tinh thần nhân bản còn được thể hiện trong quan niệm về tình yêu khai

phóng. Điểm này được biểu lộ rõ rệt nhất qua hai lần Kiều sang thăm Kim Trọng. Nhất là một lần vào lúc “*khoảng vắng đêm trường*”.

Một người con gái vừa đến tuổi “*cập kê*”, thừa lúc cha mẹ vắng nhà, lén sang tình tự với người yêu trong lúc đêm khuya, rồi nặng lời thề thốt chuyện trăm năm, không màng gì đến truyền thống ngàn đời “*Cha mẹ đặt đâu con ngồi đó*”¹. Nếu xét theo luân lý phổ thông cùng thời thì quả là một hành vi táo bạo khó tha thứ, một cuộc cách mạng về quan niệm luyến ái². Nguyễn Du đã đi trước thời đại của ông hàng thế kỷ, giải phóng người phụ nữ khỏi những ràng buộc lễ giáo để chỉ nghe theo tiếng gọi trung thực của lòng mình. Dĩ nhiên việc tạo dựng một nhân vật tiểu thuyết lãng mạn theo tinh thần khai phóng đó đã bị phê phán nghiêm khắc bởi một số

¹ Thực tình lúc Kim Trọng tỏ tình lần đầu Kiều cũng có nói : “*Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha*”. Nhưng có thể đó là một câu thuộc lòng nàng buột miệng nói ra lúc cường độ của đam mê chưa lấn át tập tục và lễ giáo.

² Cách mạng không những trong quan niệm luyến ái mà còn cả trong cách đưa vẻ kiêu diễm của thân thể đàn bà vào văn chương: Nguyễn Du không ngần ngại tả cảnh Kiều tắm dưới mắt chiêm ngưỡng của Thúc Sinh : *Rõ màu trong ngọc trắng ngà/ Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên*. Không gợi dục theo kiểu văn chương Erotik thời nay nhưng cũng đủ để độc giả tưởng tượng được một tuyệt phẩm của tạo hóa. Nguyễn Du còn cho thấy cảm xúc và phản ứng của Thúc Sinh: *Anh chàng này không phải chỉ là chúa sớ vợ mà còn sớ thơ : Sinh càng tỏ nét càng khen, / Ngụ tình tay thảo một thiên luật Đường* (1311-14).

thức giả cùng thời. “Đàn bà chớ kể Thúy Vân Thúy Kiều”.

Nhưng tự do mà không phóng túng, đam mê nồng nàn mà không buông thả, vừa nghe và làm theo tiếng nói trung thực của lòng mình mà cũng vừa chế ngự được lòng mình. Ngôn ngữ và cung cách của Kiều chứng tỏ đối với nàng phóng khoáng trong tình yêu không có nghĩa là coi thường tất cả mọi giáo điều luân lý. Trái lại tư tưởng và hành vi của Kiều rất đoan chính, từ buổi chuyện trò đầu tiên trong dáng dấp e thẹn *kẻ nhìn rõ mặt người e cúi đầu* (322), và ngần ngại *ngần ngừ nàng mới thưa rằng ...* (331), Kiều đã nói ngay rằng tình duyên chỉ có thể có trong vòng hôn nhân “*lá thắm chỉ hồng*” (333), và phải được sự đồng ý của song thân. Khi Kim Trọng ngỏ ý xin Kiều đánh đàn mà còn úp mở chưa dám nói thẳng, Kiều phân định rõ ràng ranh giới giữa điều được và điều không được:

*Đừng điều nguyệt nọ hoa kia,
Ngoài ra ai lại tiếc gì với ai.* (461-62)

Và ngay cả khi đã cắt tóc thề nguyện với nhau, đang cảm thấy sóng tình dào dạt dâng lên, khi mà con người dễ bị yếu lòng trước những quyến rũ ô ạt của hạnh phúc chính đáng:

*Sóng tình dường đã xiêu xiêu
Xem trong âu yếm có chiều lả lơi,* (499-500),

nàng đã dịu dàng sửa lưng Kim Trọng khi chàng sớm sỡ. Nàng đã nghiêm chỉnh từ khước ước muốn của chàng, hẹn đến ngày tình duyên được hợp thức hóa. Điều đặc biệt là những lý lẽ nàng viện ra không nặng về lễ giáo, mà đặt trọng tâm vào ý muốn giữ sao cho tình yêu không phải là trò đùa nhục dục mà phải thể hiện được lòng tương kính đối với nhau, tránh được cảnh

*Trong khi chấp cánh liền cành
Mà lòng rẽ rúng đã dành một bên, (515-16).³*

Nên Kim Trọng đã không bất mãn, không cho rằng Kiều đem luân lý ra dạy mình mà chỉ còn biết tỏ lòng thán phục:

*Thấy lời đoan chính dễ nghe,
Chàng càng thêm nể thêm vì mười phân.(523-24)*

Hành động và ngôn ngữ của Kiều đã kết hợp hài hòa tự do luyến ái tân thời và nền nếp lễ giáo truyền thống.

Việc đề cao tinh thần nhân bản trong tình yêu lãng mạn phóng khoáng còn được thể hiện bằng lời lẽ diễn tả tình yêu nhất là nỗi nhớ nhung, một lối

³ Lời từ chối của Kiều kéo dài 22 câu thơ, khác hẳn với những lời ngắn gọn nàng nói với chàng trước đây, chứng tỏ đối với nàng vấn đề này quan trọng đặc biệt.